TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 78/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 27 – 7 - 2022
"V/v xin ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mỹ Trang
Ông Huỳnh Văn Thanh

-***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Hoàng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 132/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022, về việc: "*Xin ly hôn, nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐST – HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đượng sự:

* ***Nguyên đơn***: **Anh Nguyễn Trí T**, sinh năm 1995

Địa chỉ: ấp A2, xã M1, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

* ***Bị đơn:*** **Chị Ngô Ngụy Y**, sinh năm: 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A2, xã M1, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Trí T trình bày: Nguyên vào năm 2020, anh và chị Ngô Ngụy Y qua quen biết tìm hiểu, được gia đình hai bên chấp thuận tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M1, huyện M, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 14/9/2020 đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận tại ấp A2, xã M1, huyện M, tỉnh Vĩnh Long được hơn một năm. Thời gian sau đó đôi bên nhận ra không còn phù hợp trong đời sống vợ chồng nên thường hay cải vả, gây gổ do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài không khắc phục được, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh cảm thấy tình cảm giữa anh với chị Y không còn nữa nên anh yêu cầu ly hôn với chị Ngô Ngụy Y.

- Con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Trí T1, sinh ngày 10 tháng 02 năm 2021. Sau khi ly hôn, anh tự nguyện giao cháu T1 cho chị Y được trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Tài sản chung, nợ chung phải thu, phải trả: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn chị Ngô Ngụy Y nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Trí T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn chị Ngô Ngụy Y vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Ngô Ngụy Y được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị Y.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2020, anh Nguyễn Trí T và chị Ngô Ngụy Y kết hôn theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M1, huyện M, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 14/9/2020. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Y là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng anh T cho rằng vợ chồng chỉ hạnh phúc được hơn một năm; sau đó, thường hay cự cãi, gây gổ do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài không khắc phục được, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Y đã được Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị Y trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên xét việc anh T yêu cầu ly hôn với chị Y là có căn cứ phù hợp với Điều 51 và 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Nguyễn Trí T1, sinh ngày 10 tháng 02 năm 2021, hiện chị Y đang nuôi dưỡng, anh T tự nguyện giao cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; mặt khác, hiện cháu T1 còn quá nhỏ (dưới 36 tuổi) còn quá nhỏ cần được chăm sóc chu đáo, tận tình của người mẹ; do đó, nhằm bảo đảm quyền lợi cho con chung và đảm bảo việc nuôi con chung của chị Y nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh T. Giao con chung Nguyễn Trí T1 cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, phải trả: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Anh T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trí T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Trí T được ly hôn với chị Ngô Ngụy Y.

2/ Về con chung: Giao Nguyễn Trí T1, sinh ngày 10 tháng 02 năm 2021 cho chị Ngô Ngụy Y tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T. Anh Nguyễn Trí T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, phải trả: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/ Về án phí: Anh Nguyễn Trí T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M theo lai thu số No 0007066 ngày 21 tháng 4 năm 2022, anh T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAT;
- VKSND huyện MT;
- THADS huyện MT;
-UBND xã M1 (2020);
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Thị Tám